

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 (máy lẻ 247)
Email: namn@vcci.com.vn



1.2014



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LÀO (cập nhật tháng 1/2013)

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Các thông tin cơ bản	2
2. Lịch sử	3
3. Tập quán:	3
II. KINH TẾ.....	4
1. Tổng quan:	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	4
3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	6
1. Hợp tác thương mại	6
2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào	7
3. Tình hình đầu tư:.....	7
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	8
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	8
1. Quan hệ ngoại giao:	8
2. Quan hệ chính trị:	8
3. Các văn kiện đã ký:.....	9
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	10
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH	10
PHỤ LỤC THAM KHẢO	
Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào	
Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào	



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào
Thể chế chính trị:	Lào đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển chế độ Dân chủ Nhân dân, tạo tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
Thủ đô:	Viên chăn
Ngày quốc khánh:	19 tháng 7 năm 1949
Đứng đầu nhà nước:	Chủ tịch nước Lt. Gen. CHOUMMALI Saignason . Phó Chủ tịch nước Boun Gnanh Volachit (từ 8/6/2006)
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Thongsing Thammavong (24/10/2010); Phó Thủ tướng Thường trực Maj. Gen. Asang Laoli.
Các đảng phái chính trị:	Đảng nhân dân cách mạng Lào do ông Choumali Saignason lãnh đạo, các đảng phái khác không được phép thành lập
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, ARF, ASEAN, CP, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, ILO, IMF, Interpol, IOC, IPU, ISO (subscriber), ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO (observer)
Diện tích:	236,800 km ²
Khí hậu:	nhật đới gió mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4.
Tài nguyên:	gỗ, khí đốt, thạch cao, thiếc, đá quý
Thủ đô:	Viên chăn



Dân số:	6,586,266 người
Tuổi trung bình:	21 tuổi
Dân tộc:	Lào (55%), Khmou (11%), Hmong (8%), hơn 100 dân tộc thiểu số khác (26%)
Tôn giáo:	Phật giáo (67%), Thiên chúa giáo (1.5)
Ngôn ngữ :	Lào, Pháp, Anh và một số tiếng dân tộc
Tỉ giá Kips/USD:	Kips (LAK) và US dollar – 8,138.1 (2012); 8,043.7 (2011); 8,258 (2010); 8,516 (2009).

2. Lịch sử

Năm 1893, thực dân Pháp xâm chiếm Lào.

Ngày 12-10-1945, nước Lào độc lập.

Đầu năm 1946, thực dân Pháp quay lại xâm lược Lào.

Tháng 7-1954, Pháp ký Hiệp định Geneva công nhận nền độc lập của Lào.

Từ năm 1955, Mỹ gây chiến tranh chống lại nhân dân Lào.

Ngày 21-2-1973, Hiệp định Vientiane lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết giữa Mặt trận yêu nước Lào và phái hữu Vientiane.

Ngày 2-12-1975, Đại hội Đại biểu Nhân dân Lào họp ở Vientiane tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Chính sách đối ngoại: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước; thắt chặt quan hệ hợp tác với các nước láng giềng có chung biên giới; tăng cường tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam.

3. Tập quán:

Người Lào thẳng thắn, cởi mở và thân thiện. Họ rất coi trọng sự lịch sự và tôn trọng. Người Lào chào hỏi nhau bằng cách đặt lòng bàn tay lên ngang ngực người kia (ở vị trí cầu nguyện), nhưng không được chạm vào cơ thể. Tay càng đặt lên cao, thì càng bày tỏ sự tôn trọng. Tuy nhiên, tay không được đưa lên cao hơn mũi. Khi chào kèm theo cúi nhẹ người thể hiện sự tôn trọng với người chức vụ hoặc tuổi tác cao hơn. Đây cũng là cách biểu hiện cảm ơn, hối tiếc, hoặc tạm biệt. Đối với người phương Tây, họ sẵn sàng bắt tay.

Không bao giờ được dùng chân để chỉ hoặc chạm vào người khác.



II. KINH TẾ

1. Tổng quan:

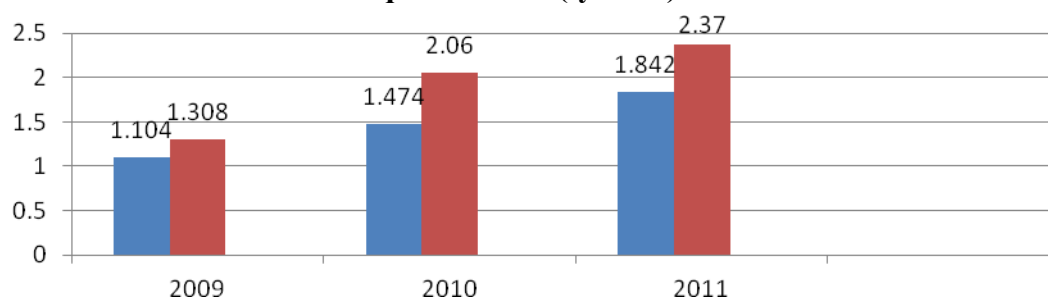
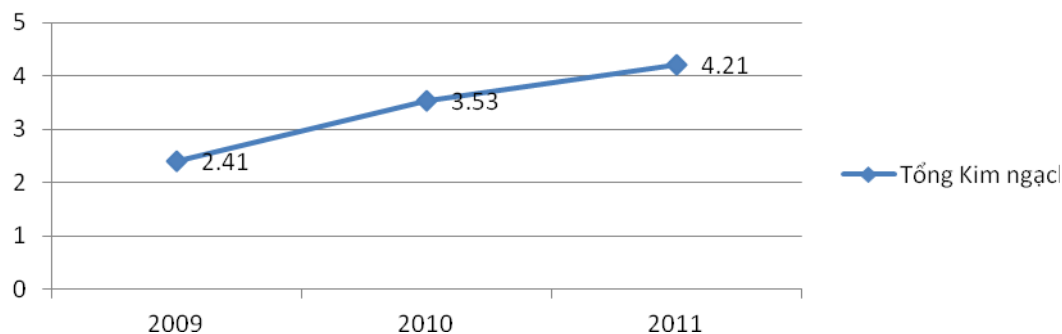
Chính phủ Lào bắt đầu có các chính sách cải cách kinh tế, giảm tập trung khuyến khích kinh tế tư nhân kể từ năm 1986. Nhờ có những biện pháp đổi mới này mà tốc độ tăng trưởng đã đạt 6% kể từ năm 88 đến 2008 (một vài năm bị ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 2007). Năm 2009, GDP Lào đã đạt mức tăng trưởng 6.5%. Mặc dù có tốc độ phát triển kinh tế khá quan, cơ sở vật chất hạ tầng của Lào vẫn còn yếu kém, đặc biệt là khu vực nông thôn, Hệ thống đường xá còn rất sơ khai, viễn thông, điện còn chưa cung cấp đầy đủ đến các vùng sâu vùng xa. Tính đến năm 2011, Kinh tế Lào vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp với tỷ trọng hơn 27.8% tổng số GDP và là nguồn cung cấp lao động chính (hơn 70%). Trong nửa cuối 2008 đầu 2009 Lào đã nhận khoảng 560 triệu đô la tiền viện trợ. Tỷ lệ đói nghèo giảm từ 46% năm 1992 xuống 26% năm 2010. Nhờ có đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nhiệt điện, khai khoáng, xây dựng, nền kinh tế đã có những bước tiến đáng kể. Lào đã đạt được bình thường hóa quan hệ thương mại vào năm 2004 để chuẩn bị gia nhập Tổ chức kinh tế thế giới WTO. Về lĩnh vực tài chính, Lào đang nỗ lực để đảm bảo thu thuế do kinh tế thế giới có dấu hiệu đi xuống dẫn đến giảm thu nhập trong các dự án khai khoáng. Một cơ chế đầu tư đơn giản, mở rộng tín dụng ngân hàng cho tiểu nông và doanh nghiệp nhỏ sẽ góp phần giúp kinh tế Lào phát triển tốt. Chính phủ cũng cam kết sẽ hỗ trợ các nhà đầu tư. Dự kiến năm 2020 Lào sẽ không còn nằm trong số các nước kém phát triển nữa.

2. Các chỉ số kinh tế:

	2010	2011	2012	2013
GDP (ppp)	16.12 tỷ	17.44 tỷ USD	19.16 tỷ USD (tăng 9.8%)	20.78 tỷ USD
GDP (OER)	6.341 tỷ USD	7.9 tỷ USD	9.269 tỷ USD (tăng 17.3%)	10.1 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	7.9 %	8.3%	8.3%	8.3%
GDP theo đầu người	2,500 USD/người	2,700USD/người	3,000 USD/ người	3,100
GDP theo ngành	Nông nghiệp 24.8%; Công nghiệp 32%; Dịch vụ 37.5%			
Lực lượng lao động	3.373 triệu (2013)			
Tỷ lệ lạm phát	5.7 %	7.8%	4.9%	6.5%
Mặt hàng nông nghiệp	khoai lang, khoai tây, rau quả, ngũ cốc, cà phê, mía, thuốc lá, vải, chè, gạo, lạc, trâu nước, lợn, dê, gia cầm			
	2010	2011	2012	2013
Các ngành công nghiệp	Đồng, thiếc, vàng, quặng, gỗ, điện, chế biến nông nghiệp, xây dựng, dệt may, xi măng, du lịch			
Tổng Kim ngạch XNK	3.534 tỷ USD	4.212 tỷ USD	4.745 tỷ USD	



Kim ngạch xuất khẩu	1.474 tỷ USD	1.842 tỷ USD	2.28 tỷ USD	2.313 tỷ USD
Mặt hàng chính	sản phẩm gỗ, cà phê, điện, thiếc, đồng, vàng			
Bạn hàng XK chính	Thái Lan 34%, Trung Quốc 21.5%, Việt Nam 12.2%			
Kim ngạch nhập khẩu	2.06 tỷ USD	2.37 tỷ USD	2.465 tỷ USD	3.238 tỷ USD
Mặt hàng chính	Máy móc thiết bị, xe cộ, khí đốt, hàng tiêu dùng			
Bạn hàng NK chính	Thái Lan: 62.1%, Trung Quốc 16.2%, Việt nam 7.3%			

Biểu đồ XK và NK của Lào qua các năm (tỷ USD)

Biểu đồ XNK của Lào qua các năm




3. Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình đầu tư tại Lào:

a/ Thuận lợi:

- Hai nước có quan hệ kinh tế và chính trị đặc biệt. Do đó Chính phủ Lào rất ủng hộ và ưu tiên các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh tại Lào.
- Việt Nam và Lào gần gũi về địa lý, do đó hoạt động trao đổi về kinh tế cũng như đi lại, xuất nhập khẩu hàng hóa, lao động giữa 2 nước rất thuận lợi.
- Đất nước Lào có nhiều tiềm năng mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác đầu tư như: thủy điện, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, chế biến nông lâm sản...
- Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam rải rác ở các miền của Lào, hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn.

b/ Khó khăn:

Nhìn chung, hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư của Lào đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện nên có nhiều thay đổi, không thống nhất, thiếu minh bạch và khó tiếp cận. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa các ngành, giữa Trung ương và địa phương chưa linh hoạt, đồng bộ làm ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách. Nhìn chung, trao đổi về việc đầu tư ban đầu giữa doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền của Lào rất thuận lợi nhưng khi triển khai, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về thủ tục hành chính, quy hoạch đất đai, sự thiếu nhất quán trong áp dụng chính sách, đặc biệt là các quy định do địa phương đặt ra và áp dụng ngoài các chính sách của nhà nước.

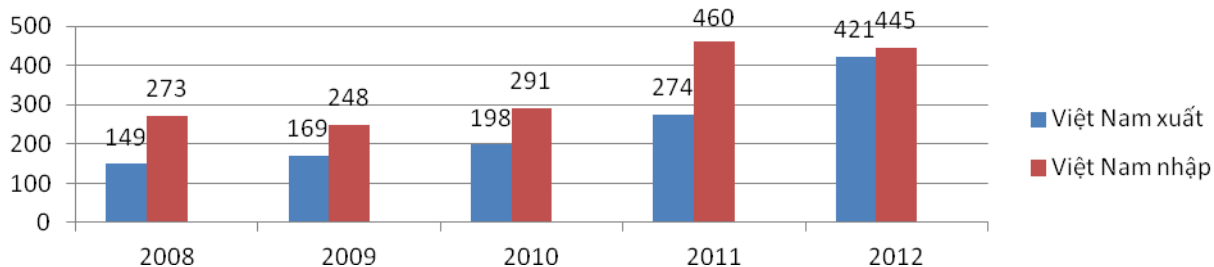
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1. Hợp tác thương mại

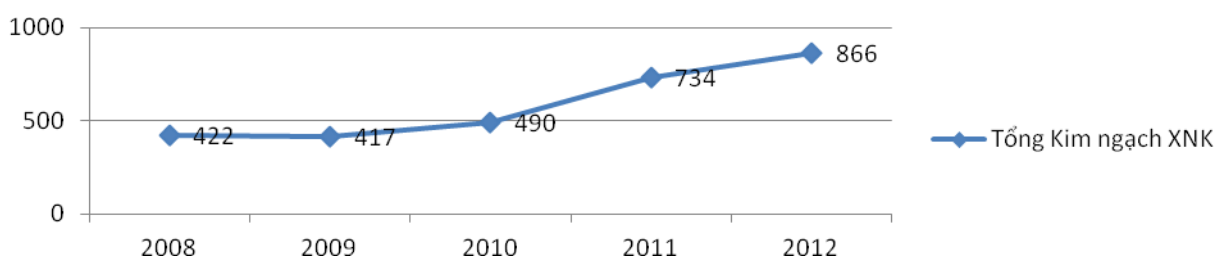
Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập		Mức tăng XNK	XK VN chiếm
2008	149,774,568	273,082,039	422,856,607		35.3%
2009	169,314,362	248,511,194	417,825,556	-1.9%	40.5%
2010	198,432,242	291,747,486	490,179,728	17%	40.4%
2011	274,104,015	460,015,232	734,119,247	49%	37.3%
2012	421,395,210	444,705,066	866,100,279	18%	48.6%
2013	457.861.693	668.049.419			



**Biểu đồ XK và NK giữa VN và Lào giai đoạn 2008 – 2012
(triệuUSD)**



**Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Lào giai đoạn 2008 – 2012
(triệu USD)**



- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 2013 (USD): Xem Phụ lục

2. Về viện trợ không hoàn lại của ta cho Lào

Thoả thuận được ký kết tại kỳ họp thứ 24 của Ủy ban Liên chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật Việt Nam - Lào (diễn ra các ngày 14-15/1/2012 tại Viêng Chăn). Việt Nam sẽ viện trợ không hoàn lại 105 tỷ đồng cho Lào trong năm nay, tập trung vào các dự án giáo dục - đào tạo, nông - lâm nghiệp, thủy lợi và y tế. (Theo *Người Lao Động*)

Về đầu tư của ta sang Lào:

Mặc dù khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam, tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang mở rộng đầu tư sang Lào. FDI của ta sang Lào tăng mạnh cả về số lượng dự án cũng như tổng giá trị đầu tư.

Tính đến hết năm 2011, FDI của Việt nam vào Lào đạt trên 3.4 tỉ USD. Riêng năm 2011 là 480 triệu USD. Các khu vực Trung và Nam của Lào thu hút tới 163 dự án của Việt Nam, chiếm 78% tổng số dự án của ta đầu tư sang Lào.

Một số các dự án đầu tư lớn của Việt Nam sang Lào:

Nhà máy chế biến mù caosu của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam. Nhà máy có công suất 24.000 tấn mù mỗi năm; vùng nguyên liệu trên 10.000ha caosu, trong đó 1.642ha đã cho khai thác, tạo việc làm thường xuyên cho 3.000 lao động tại tỉnh Champasak, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.



Đài chuyển tiếp phát thanh-phát hình khu vực Paksong. Đây là công trình do Đài Truyền hình Việt Nam là chủ dự án bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Việt Nam, góp phần đưa chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Lào đến với các vùng sâu vùng xa, nâng cao đời sống nhân dân các tỉnh Nam Lào.

Những lĩnh vực có nhiều triển vọng hợp tác là sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, thuốc chữa bệnh, trồng trọt và một số hàng tiêu dùng khác.

Năm 2013, các doanh nghiệp VN đã đầu tư vào Lào 412 dự án với tổng vốn đầu tư 5,012 tỉ USD, thuộc nhóm dẫn đầu trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ có doanh nghiệp đầu tư tại Lào

FDI Lào vào VN:

Tính đến năm 2013 8 gần 6 . Xếp thứ 48 trong hơn 100 quốc gia và vùng Lãnh thổ có đầu tư vào VN, và xếp thứ 7 trong số các nước ASEAN.

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Ngày càng khởi sắc và có hiệu quả hơn. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước năm 2008 đạt 423 triệu USD, tăng 35% so với năm 2007. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Lào năm 2011 đạt hơn 734 triệu USD. Hai bên phấn đấu đến năm 2015 đạt 2 tỷ, năm 2020 đạt 5 tỷ. Tháng 01/2009, hai bên đã ký Bản thoả thuận về ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt-Lào năm 2009; tiếp tục thực hiện miễn giảm thuế từ 0-50% đối với mặt hàng có xuất xứ của hai nước. Hoạt động đầu tư diễn ra sôi nổi, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã quan tâm tới thị trường Lào. Doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục được duy trì ở một trong 3 vị trí dẫn đầu về đầu tư tại Lào. Đầu tư của Việt Nam tại Lào thông qua nhiều loại hình hoạt động, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó đầu tư vào mỏ, năng lượng và nông nghiệp chiếm khoảng 75%.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 06/8/1976

2. Quan hệ chính trị:

Hai bên đã trao đổi nhiều chuyến thăm cấp cao và các cấp ngành, địa phương; đặc biệt là các chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước CHDCND Lào Chum-ma-ly Xay-nha-xôn 19-22/6/2006; chuyến thăm hữu nghị chính thức Lào của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh 10-13/10/2006 đã mở ra thời kỳ mới cho quan hệ hai nước sau khi cả hai nước kết thúc thắng lợi Đại hội Đảng ở mỗi nước. Tần suất các chuyến thăm lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước từ sau Đại hội Đảng ở mỗi nước năm 2006 đến nay ngày càng cao: tất cả các đồng chí lãnh đạo hai nước đã sang thăm chính thức lẫn nhau. Gần đây nhất, trong chuyến thăm hữu nghị chính thức CHDCND Lào của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào



9/9/2011, hai Chính phủ thể hiện mong muốn phối hợp chuẩn bị tốt các hoạt động của Năm đoàn kết hữu nghị Việt-Lào, đưa năm 2012 trở thành một mốc son trong quan hệ Việt-Lào.

3. Các văn kiện đã ký:

- Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-Lào 18/7/1977.
- Hiệp ước hoạch định biên giới 1977.
- Hiệp định lãnh sự 1985.
- Hiệp định về quy chế biên giới 1990.
- Hiệp định hợp tác kinh tế-văn hóa-khoa học kỹ thuật 1992-1995, 02/1992
- Hiệp định về kiều dân 01/4/1993.
- Hiệp định quá cảnh hàng hóa 23/4/1994.
- Hiệp định hợp tác lao động 29/6/1995.
- Hiệp định hợp tác KT-VH-KHKT 1996-2000, 14/01/1996
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư 14/01/1996.
- Hiệp định tránh đánh thuế hai lần 14/01/1996.
- Hiệp định Vận tải đường bộ 26/02/1996.
- Hiệp định về trao đổi nhà trụ sở và nhà ở của cơ quan đại diện 01/4/1996.
- Hiệp định về hợp tác nông lâm và phát triển nông thôn năm 1997 và giai đoạn 1998-2000, 12/8/1997.
- Hiệp định bổ xung và sửa đổi quy chế biên giới 8/1997
- Hiệp định hợp tác Thương mại và du lịch 3/98
- Hiệp định Quy chế tài chính và quản lý các chương trình dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của CP Việt Nam dành cho CP Lào 3/98
- Hiệp định tương trợ tư pháp 6/7/98
- Hiệp định hợp tác chống ma túy 6/7/98
- Hiệp định hợp tác về năng lượng-điện 6/7/98
- Bản thoả thuận Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam - Lào giai đoạn 2001-2010 (6/02/2001)
- Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam- Lào thời kỳ 2001-2005 (6/02/2001)
- Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa hai Chính phủ Việt Nam - Lào trong năm 2001 (6/02/2001)
- Hiệp định tín dụng xây dựng đường 18B (tháng 7/2001)
- Thoả thuận giữa Việt Nam và Lào về Quy chế sử dụng cảng Vũng áng(tháng 7/2001)



- Nghị định thư sửa đổi, bổ sung Hiệp định vận tải đường bộ ký ngày 24/02/1996 (tháng 7/2001)
- Nghị định thư 2001 thực hiện Hiệp định đường bộ sửa đổi (tháng 7/2001)
- Hiệp định hợp tác về kinh tế, văn hoá, KHKT giữa hai Chính phủ năm 2002 (01/2002)
- Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ giữa 2 nước (01/2002)
- Thỏa thuận về cơ chế tài chính và quản lý dự án sử dụng viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào (01/2002)
- Hiệp định hợp tác về kinh tế, văn hoá, KHKT giữa hai Chính phủ năm 2003 (01/2003)

Ngoài ra hai bên đã ký một số hiệp định hợp tác về du lịch, hàng không; Cơ chế chung về hợp tác kinh tế văn hóa KHKT; Cơ chế thanh toán; Cơ chế đào tạo cán bộ; Cơ chế quản lý về thương mại, du lịch; Thỏa thuận về hợp tác chuyên gia; Thỏa thuận về quản lý thuế quan đối với hàng hóa và phương tiện quá cảnh và phối hợp chống buôn lậu ở biên giới hai nước; Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tài chính Lào và Tổng cục hải quan Việt Nam.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Quốc gia Lào LNCCI vào tháng 11 năm 2000, tại Hà Nội.

VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

❖ Đại sứ quán Việt Nam tại Lào:

Địa chỉ: No. 85, 23 Singha Road, Saysettha Dist., Vientiane

Điện thoại: 990994, 85, 87,86 | Fax: 413 379, 413 6720

Code: 00-856-21 | email: vnemba.la@mofa.gov.vn

Đại sứ: Tạ Minh Châu

Công sứ: Lương Quốc Huy

Tham tán: Nguyễn Văn An, Đặng Quốc Ân, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Xuân Khoát, Trần Bảo Toàn, Phạm Văn Khánh.

❖ Đại sứ Quán Lào tại Việt Nam

Đ/c: 22 Trần Bình Trọng, HBT, HN

Tel: 39424576 | Fax: 38228414

Website: <http://www.embalaohanoi.gov.la/>

Đại sứ: Bà Soonthorn Xayachack

Tham tán Thương mại: Ông Somevang Ninthavong

Tùy viên: Ông Phutsakhon Sengmaniphon

❖ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Savanakhét:

Địa chỉ: 418 Si-sà-vàng-vông, Mùong Khăn-tha-bu-li, Savanakhét

Điện thoại: 212 418 Fax: 212 182

Code: 00-856 – 41

❖ Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Paksé:



Địa chỉ: 31 Ban Pha Bạt, Paksé
Điện thoại: 212 058 | Fax: 212 827
Code: 00-856 – 31

❖ **Laos National Chamber of Commerce and Industry (LNCCI)**

74 Inpeng Street, Vatchan, Chanthabury District

P.O.Box: 4148, Vientiane Lao PDR

Tel: 856-212823; +856-261668. Fax: 856-21241062

LNCCI, Foreign Relation Division

Kayson phomvihane Ave., Ban Phonphanao Saysettha District, Vientiane Capital, Lao PDR; P.O.Box: 4596

Tel: (+856 - 21) 453 312-115, 452 579 Fax: (+856 - 21) 452 580

Email: lncci@laopdr.com

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

* Website CIA – The World Factbook

* Website Bộ Ngoại giao Việt Nam

* Website Tổng cục Thống kê Việt Nam

* Website Tổng cục Hải quan Việt Nam



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Lào

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SANG LÀO NĂM 2012

Tổng kim ngạch: **457.861.693 USD**

Mặt hàng	Trị giá (USD)
Hàng rau quả	8.633.480
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4.301.477
Than đá	10.963.988
Xăng dầu các loại	106.928.938
Phân bón các loại	19.628.470
Sản phẩm từ chất dẻo	14.139.844
Giấy và các sản phẩm từ giấy	5.266.559
Hàng dệt, may	7.699.558
Sản phẩm gốm, sứ	7.039.298
Sắt thép các loại	103.144.211
Sản phẩm từ sắt thép	14.660.915
Kim loại thường khác và sản phẩm	3.113.448
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	17.850.837
Dây điện và dây cáp điện	19.852.494
Phương tiện vận tải và phụ tùng	42.160.022

(Nguồn: Tổng cục Hải Quan)



Bảng 2. Nhập khẩu VN – Lào

KIM NGẠCH NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TỪ LÀO NĂM 2013

Tổng kim ngạch: **668.049.419 USD**

Mặt hàng	Trị giá (USD)
Ngô	6.194.560
Quặng và khoáng sản khác	27.756.364
Phân bón các loại	26.892.856
Gỗ và sản phẩm gỗ	458.886.226
Kim loại thường khác	47.726.500

(Nguồn: Tổng cục Hải Quan)